TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2025/DS-ST
Ngày: 30 – 9 – 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Long và bà Châu Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 277/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V2 (V3); địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B - Trưởng phòng xử lý nợ Phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân, Trung tâm Thu hồi nợ KHCN; người được ủy quyền lại: Ông Lê Văn T - Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Đặng Nhật L - Chuyên viên xử lý nợ và ông Trần Quốc T1 - Chuyên viên xử lý nợ, cùng địa chỉ: VP Bank Đ, số E T, phường Đ, Quảng Trị. Ông T1 có mặt.

- *Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:* Công ty Cổ phần M1 (Jupiter); địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T2 – Tổng giám đốc; người được ủy quyền: ông Phan Huy M và ông Võ Ngọc D1 - Trung tâm xử lý nợ, Công ty cổ phần M1; người được ủy quyền lại: Ông Lê Phú L1 - Trưởng bộ phận xử lý nợ; địa chỉ: Tầng A Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội; ông Phạm Văn H - Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng C V4; ông Hoàng Vũ L2 và bà Nguyễn Thị H1 - Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng B, Số E đường T, phường Đ, Quảng Trị. Ông L2 có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Đức V, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ). Hiện ông V đã xuất cảnh ra nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Ông V vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2022, ông Bùi Đức V đã ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V2 (V3) để vay số tiền 650.000.000 đồng, cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay số: LN2203195403717 ký ngày 26/03/2022; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ bị đơn ký vay số tiền 650.000.000 đồng với thời hạn vay 96 tháng nhằm mục đích Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu KIA, K5 2.0 LUXURY, 20.L, AT sản xuất mới 100%. Các kỳ hạn trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05 (kỳ trả nợ gốc), kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/05/2022. Trả nợ lãi: Định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 (Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 05/05/2022, trong đó các bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 9.3%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân ("Thời gian cố định"). Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V4 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức. Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V4.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.6%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được được số tiền nợ gốc là 223.443.000 đồng và lãi là 185.312.506 đồng. Sau đó liên tiếp vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả nợ gốc và lãi theo các hợp đồng đã ký kết. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ các khoản

trên từ ngày 05/02/2025.

Ngày 27/06/2025, Ngân hàng TMCP V2 (V3) và Công ty Cổ Phần M1 đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số: 31/2025/VPB-JUPITER ngày 27/06/2025 và Phụ lục đính kèm. Trong đó, Hợp đồng mua bán nợ số: 31/HĐMBN/VPBANK-JUPITER mua một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo LN2203195403717 ký ngày 26/03/2022; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ.

Theo đó, V3 đồng ý bán và J đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Bùi Đức V, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Bùi Đức V đã ký kết với V3. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty cổ phần M1 kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V4 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V4 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty cổ phần M1.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu KIA, K5 2.0 LUXURY, 2.0L, Biển số đăng kí: 73A-248.76 có số khung: RNYGA44A6NC237935, số máy: G4NAMH625090 theo Hợp đồng thế chấp số LN2203195403717 ngày 25/03/2022 giữa ông Bùi Đức V và V3. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Bùi Đức V. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc Tài sản thế chấp.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Bùi Đức V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V3 theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên nên các khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 05/02/2025. V3 và Công ty M1 đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo đôn đốc nhưng ông Bùi Đức V vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện ông Bùi Đức V để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay. Tạm tính đến ngày 30/09/2025, ông Bùi Đức V còn nợ V4 và J số tiền là: Chia theo thỉ lệ 95-05:

Số Hợp đồng	Công ty Jupiter		Vpbank	
	Nợ gốc	Nợ lãi	Nợ gốc	Nợ lãi
LN2203195403717 (LD2208500233)	405.229.150	100.610.588	21.327.850	5.295.294
Tổng Cộng	505.839.738		26.623.144	

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng TMCP V2 (V4) và Công ty Cổ phần M1 đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Đức V phải thanh toán cho V3 toàn bộ số tiền nợ

gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 30/09/2025, cụ thể: Nợ gốc: 21.327.850 đồng; nợ lãi: 5.295.294 đồng. Tổng cộng: 26.623.144 đồng.

Yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Đức V phải thanh toán cho J toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 30/09/2025, cụ thể: Nợ gốc: 405.229.150 đồng; nợ lãi: 100.610.588 đồng. Tổng cộng: 505.839.738 đồng.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày ông Bùi Đức V thực tế thanh toán hết nợ cho V4 và JUPITER.

Khi bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Bùi Đức V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, VPBank/ JUPITER có quyền tự xử lý tài sản hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản của ông Bùi Đức V để thu hồi nợ cho VPBank/ JUPITER, tài sản cụ thể: 01 Xe ô tô nhãn hiệu KIA, K5 2.0 LUXURY, 2.0L, Biển số đăng kí: 73A-248.76 có số khung: RNYGA44A6NC237935, số máy: G4NAMH625090. Chi tiết tại Hợp đồng thế chấp số LN2203195403717 ngày 25/03/2022 giữa ông Bùi Đức V và ngân hàng V4. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Bùi Đức V. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc Tài sản thế chấp.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Bùi Đức V vẫn phải tiếp tục trả nợ cho VPBank/ JUPITER cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

Ông Bùi Đức V phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

**Đối với bị đơn ông Bùi Đức V:* Tại Công văn số: 6837/QLXNC-P3 của Phòng Q, Công an tỉnh Q thì bị đơn ông Bùi Đức V đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 23/10/2019 qua của khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C7248408, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, niêm yết tại trụ sở Tòa án và đăng tin trên kênh của Ban Đối ngoại VOV5 về việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP V2 (V3) nhưng phía bị đơn ông Bùi Đức V không có kết quả hồi âm.

* Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin tại Công an phường Đ và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, kết quả: Hiện nay, ông Bùi Đức V có hộ khẩu thường trú tại TDP E, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; về thân nhân có bố là ông Bùi Đức V1, chỗ ở hiện nay: TDP A, phường Đ, Quảng Trị và mẹ là bà Thái Thị T3, nơi ĐKHKTT: Số A P, TDP E, phường Đ, Quảng Trị. Tuy nhiên, qua xác minh tại Tổ dân phố xác định ông Bùi Đức V và thân nhân của ông V là ông Bùi Đức V1, bà Thái Thị T3 hiện nay

không còn sinh sống trên địa bàn, hiện nay đi đâu, làm gì thì chính quyền địa phương không biết.

* Phiếu trả lời xác minh xe của Phòng C công an tỉnh Q đối với xe ô tô nhãn hiệu KIA, K5 2.0 LUXURY, 2.0L, Biển số đăng kí: 73A-248.76 có số khung: RNYGA44A6NC237935, số máy: G4NAMH625090; dung tích xi lanh: 1999 cm^3, năm sản xuất: 2022; khối lượng toàn bộ: 1450kg; số loại: K5DL32.0ATFS5, màu sơn: Trắng. Trạng thái xe: Xe đang bị cầm cố thế chấp, có giấy của Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 (V3) và tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn Công ty Cổ phần M1 đã thống nhất rút yêu cầu về nội dung phần trả lãi chậm trả lãi và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện khác buộc bị đơn ông Bùi Đức V thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho V3 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn và thân nhân bị đơn tại nơi cư trú cuối cùng; mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên hòa giải, viết bản tự khai. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 30, 35, 147, 192 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 322, 465, 468 Bộ luật

Dân sự năm 2015.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 (V3) và tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn Công ty Cổ phần M1:

- Buộc ông Bùi Đức V phải thanh toán cho V3 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 30/09/2025, cụ thể: Nợ gốc: 21.327.850 đồng; nợ lãi: 5.295.294 đồng. Tổng cộng: 26.623.144 đồng.

- Buộc ông Bùi Đức V phải thanh toán cho Jupiter toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tính đến ngày 30/09/2025, cụ thể: Nợ gốc: 405.229.150 đồng; nợ lãi: 100.610.588 đồng. Tổng cộng: 505.839.738 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu phần trả lãi chậm trả lãi.

- Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng V4 và công ty M1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại, xử lý tài sản đã thế chấp tại các hợp đồng thế chấp được ký kết giữa ông Bùi Đức V và Ngân hàng V4 là 01 Xe ô tô nhãn hiệu KIA, K5 2.0 LUXURY, 2.0L, Biển số đăng kí: 73A-248.76 có số khung: RNYGA44A6NC237935, số máy: G4NAMH625090 theo Hợp đồng thế chấp số LN2203195403717 ngày 25/03/2022 giữa ông Bùi Đức V và ngân hàng V4.

- Buộc ông ông Bùi Đức V phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh sau ngày 30/09/2024 theo Hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, phí và lệ phí liên quan (nếu có).

- Về án phí, chi phí tố tụng: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 (V3) và tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn Công ty Cổ phần M1 yêu cầu bị đơn ông Bùi Đức V thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng số: LN2203195403717 ký ngày 26/03/2022; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ được ký kết giữa ông Bùi Đức V và Ngân hàng TMCP V2 (V3). Tại Công văn số: 6837/QLXNC-P3 của Phòng Q, Công an tỉnh Q (nay là tỉnh Quảng Trị) thì bị đơn ông Bùi Đức V đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 23/10/2019 qua của khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C7248408, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP V2 khởi kiện yêu cầu ông Bùi Đức V thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng số: LN2203195403717 ký ngày 26/03/2022; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ được ký kết giữa ông Bùi Đức V và Ngân hàng TMCP V2 (V3), đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và ông Bùi Đức V là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, tranh chấp hợp đồng này phát sinh trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

[1.3] Về xác định tư cách tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng V3 đã chuyển nhượng toàn bộ khoản nợ thẻ tín dụng 90% khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với ông Bùi Đức V cho Công ty cổ phần M1 theo Hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VPB-MARS, ngày 30/5/2024 và Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2024/VPB-MARS, ngày 30/5/2024 và các phụ lục kèm theo. Ngày 04/7/2024, Công ty cổ phần M1 có công văn số 665/2024/CV-MARS về việc chuyển giao, kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Tòa án giữa V4 và Công ty M1. Ngày 05/7/2025, Tòa án đã ra thông báo về việc chuyển giao, kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Tòa án giữa V4 và Công ty cổ phần M1 số: 1365/TB-TA và đã gửi cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị cùng các đương sự được biết. Việc chuyển giao quyền yêu cầu giữa V4 với Công ty cổ phần M1 là tổ chức kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Công ty cổ phần M1 có quyền yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của V4.

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Đối với bị đơn ông Bùi Đức V, theo Công văn số: 6837/QLXNC-P3 của Phòng Q, Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) thì ông Bùi Đức V đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 23/10/2019 qua của khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C7248408, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Do đó, Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn; thông báo lên Cổng thông tin điện tử của Tòa án và qua kênh đối ngoại VOV5 dành cho người Việt Nam ở nước ngoài trong 03 số liên tiếp vào các ngày 08, 09 và 10 tháng 9 năm 2025 nhưng không có kết quả hồi âm từ ông Bùi Đức V; Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa chỉ cư trú của bị đơn, qua tra cứu hồ sơ lưu trữ và xác minh ở Công an phường Đ thì: Ông Bùi Đức V có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố E, phường Đ, tỉnh Quảng Trị và chưa cắt chuyển hộ khẩu đi đâu; về thân nhân của ông V có: bố Bùi Đức V1, hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quảng Trị và mẹ Thái Thị T3, hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố E, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, quan hệ là vợ chồng và chưa cắt chuyển hộ khẩu đi đâu. Hiện nay, ông Bùi Đức V và thân nhân của ông V không có mặt tại nơi đăng ký thường trú.

Toà án đã thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn có mặt còn bị đơn ông Bùi Đức V vắng mặt không có lý do nên Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân tối cao quy định: *"Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở*". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung...". Như vậy, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và ông Bùi Đức V đã ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của ông V và thể hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Đức V vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Ông Bùi Đức V đã vay vốn, ký kết hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng TMCP V2 (V3) theo Hợp đồng cho vay số: LN2203195403717 ký ngày 26/03/2022; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ với tổng số tiền vay: 650,000,000 đồng. Thời hạn vay 96 tháng; mục đích cho vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu KIA, K5 2.0 LUXURY, 20.L, AT sản xuất mới 100%. Các kỳ hạn trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05 (kỳ trả nợ gốc), kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/05/2022. Trả nợ lãi: Định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 (Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 05/05/2022, trong đó các bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 9.3%/năm(lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân ("Thời gian cố định"). Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp

theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V4 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức. Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V4.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.6%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Xét thấy hợp đồng tín dụng ký kết đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng đã ký kết, V4 đã giải ngân đầy đủ số tiền vay cho ông Bùi Đức V. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông Bùi Đức V đã trả được được số tiền nợ gốc là 223.443.000 đồng và lãi là 185.312.506 đồng. Sau đó liên tiếp vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả nợ gốc và lãi theo các hợp đồng đã ký kết.

[2.2] Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Bùi Đức V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng chi tiết lịch sử các khoản vay do Ngân hàng V4 và Công ty M1 cung cấp thì trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Bùi Đức V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/02/2025 đối với V4 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng V4 đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo đôn đốc nhưng ông Bùi Đức V vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và đến nay ông V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho V3, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng.

[3] Về khoản nợ gốc: Theo Hợp đồng tín dụng, các tài liệu chứng cứ cũng như trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì số tiền gốc mà V4 đã giải ngân cho ông V là 650.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được số tiền gốc là 223.443.000 đồng và lãi là 185.312.506 đồng. Vì vậy, cần buộc ông Bùi Đức V phải trả cho V4 số tiền gốc tính đến ngày 30/09/2025 là: 21.327.850 đồng. Trả Công ty cổ phần M1 số tiền gốc tính đến ngày 30/9/2025 là: 405.229.150 đồng.

[4] Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 9.3%/năm. Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời

gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V4 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức. Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V4.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.6%/năm.

Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về mức lãi suất và điều chỉnh lãi suất là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N nên cần được chấp nhận.

[4.1] Về lãi trong hạn, lãi quá hạn: Việc thỏa thuận lãi suất là phù hợp quy định của pháp luật nên yêu cầu về lãi trong hạn của Ngân hàng được chấp nhận. Tính đến ngày 30/9/2025: Số tiền lãi trả cho Ngân hàng V3 gồm lãi trong hạn là: 422.782 đồng; lãi quá hạn: 4.872.655 đồng. Số tiền lãi trả cho Công ty M1 gồm lãi trong hạn: 8.031.825 đồng; lãi quá hạn: 92.578.763 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng V4 và Công ty cổ phần M1 khởi kiện ông Bùi Đức V ra Tòa án yêu cầu thanh toán toàn bộ các khoản nợ trên là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4.2] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 (V3) và tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn Công ty Cổ phần M1 đã thống nhất rút yêu cầu về nội dung phần trả lãi chậm trả lãi trong đơn khởi kiện. Xét, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện và không trái pháp luật, căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn và tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn về yêu cầu tính phần trả lãi chậm trả lãi.

[5] Về tài sản bảo đảm: Để đảm bảo khoản vay trên ông Bùi Đức V đã thế chấp tài sản gồm: 01 Xe ô tô nhãn hiệu KIA, K5 2.0 LUXURY, 2.0L, Biển số: 73A-248.76; số khung: RNYGA44A6NC237935, số máy: G4NAMH625090 theo Hợp đồng thế chấp số LN2203195403717 ngày 25/03/2022 giữa ông Bùi Đức V V3. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Bùi Đức V. Tất cả các phụ tùng,

thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc Tài sản thế chấp.

Tài sản bảo đảm trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp sốLN2203195403717 ngày 25/03/2022 đã được ký kết giữa ông Bùi Đức V và Ngân hàng TMCP V2 (V3), tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch đảm bảo. Xét thấy, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên đều là tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với các quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên được xác định là hợp pháp. Ông Bùi Đức V ngoài việc phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, thì ông V phải có trách nhiệm dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của V4 và Công ty cổ phần M1: Trường hợp ông Bùi Đức V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì V4 và JUPITER được quyền chủ động hoặc đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của ông V đang thế chấp theo hợp đồng bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[6]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đăng tin trên kênh thông tin của Ban Đối ngoại VOV5 hết 2.250.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Bùi Đức V phải chịu số tiền 2.250.000 đồng chi phí tố tụng.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được trả lại số tiền án phí đã nộp. Buộc bị đơn ông Bùi Đức V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273, bị đơn ông Bùi Đức V có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244; khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 119, 317, 318, 335, 336, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng 2024; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V2 (V3) và Công ty cổ phần M1.

1.1. Buộc bị đơn ông Bùi Đức V thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V2 (V3) toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 30/09/2025 với tổng số tiền còn nợ là: 26.623.144 đồng, trong đó: Nợ gốc: 21.327.850 đồng; nợ lãi trong hạn: 422.782 đồng; lãi quá hạn: 4.872.655 đồng.

1.2. Buộc bị đơn ông Bùi Đức V thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần M1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 30/09/2025 với tổng số tiền còn nợ là: 505.839.738 đồng, trong đó: Nợ gốc: 405.229.150 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.031.825 đồng; lãi quá hạn: 92.578.763 đồng.

1.3. Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2025) cho đến khi bên phải thi hành án trả hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh từ số tiền còn thi hành theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

1.4. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Bùi Đức V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và lãi phát sinh thì Ngân hàng V4 và Công ty cổ phần M1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm gồm:

01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, K5 2.0 LUXURY, 2.0L; Biển số đăng kí: 73A-248.76; số khung: RNYGA44A6NC237935; số máy: G4NAMH625090; dung tích xi lanh: 1999 cm^3, năm sản xuất: 2022; khối lượng toàn bộ: 1450kg; số loại: K5DL32.0ATFS5, màu sơn: Trắng theo Hợp đồng thế chấp số LN2203195403717 ngày 25/03/2022 giữa ông Bùi Đức V và V3 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 25/3/2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Khi ông V tất toán hết toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng V4 và Công ty cổ phần M1 (M1) phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho chủ sử dụng, chủ sở hữu tài sản.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu phần trả lãi chậm trả lãi.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bị đơn ông Bùi Đức V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 25.298.515 đồng.

3.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V2 (V4) số tiền tạm ứng án phí 12.500.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

0000168 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Trị).

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Bùi Đức V phải trả lại cho Công ty cổ phần M1 số tiền 2.250.000 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Quyền kháng cáo bản án: Ngân hàng TMCP V2 (V3) và Công ty cổ phần M1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (30/9/2025), ông Bùi Đức V quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án DS Quảng Trị;
- Lưu HS;
- Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

[4.2] Về lãi quá hạn: Tại điểm d khoản 9 Điều 1 của hợp đồng cho vay hạn mức có quy định về lãi suất quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N nên cần được chấp nhận. Buộc ông V phải trả cho V4 và công ty cổ phần M1 số tiền *lãi quá hạn là 291.347.389 đồng; cụ thể tiền lãi quá hạn phải trả cho công ty cổ phần M1 là 26.146.177 đồng; phải trả cho V4 là 26.201.212 đồng.*

[4.3] Về tiền phạt chậm trả: Tại điểm e khoản 9 Điều 9 của hợp đồng cho vay hạn mức có thỏa thuận: Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày

30/12/2016 của Ngân hàng N nên cần được chấp nhận. Buộc ông Bùi Đức V phải trả cho V3 và Công ty cổ phần M1 số tiền phạt chậm trả lãi *là 19.052.988 đồng; cụ thể tiền phạt chậm trả phải trả cho công ty cổ phần M1 là 17.147.689 đồng; phải trả cho V4 là 1.905.299 đồng.*